

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC HÓA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22-10-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA – LONG AN.**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khởi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Khánh Hội
2. Lê Văn Nhữn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 96/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019, về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Thu T, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Số A, đường B, phường C, quận N, Thành phố M, có mặt
2. *Bị đơn:* Anh Đào Thanh H, sinh năm: 1984; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Long An, có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện trong qua trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Vào tháng 4 năm 2013, chị Phan Thị Thu T và anh Đào Thanh H tổ chức lễ cưới, sống chung sau đó tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Long An vào ngày 03/9/2014 (*Theo trích lục kết hôn số: 89/TLKH-BS ngày 19/9/2019 do UBND xã T, huyện H, tỉnh A*).

Sau kết hôn chị T và anh H về sinh sống tại ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Long An.

. Đến cuối năm 2017, chị T và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên chị T quyết định sống ly thân với anh H từ tháng 02/2017 cho đến nay. Do xác định tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh H không còn do đó nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị Phan Thị Thu T và anh Đào Thanh H trong thời gian sống chung có 01 người con chung tên Đào Thanh K, sinh năm: 2014, giới tính: Nam (*Theo giấy khai sinh số 137; quyền số: 01/2014 ngày 20/11/2014 do Ủy ban nhân phường C, quận N, Thành phố M cấp*). Chị T yêu cầu sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T xác định tự thỏa thuận với anh H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn: anh Đào Thanh H xác định lời trình bày của chị T như trên là đúng về thời gian anh H với chị T sống chung, thời gian đăng ký kết hôn và con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án anh H xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị T nên không đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa, do chị T nhất quyết ly hôn với anh nên anh đồng ý ly hôn như yêu cầu của chị Phan Thị Thu T

Về con chung: Anh H xác định anh với chị T chỉ có một người con chung tên Đào Thanh Khôi, sinh năm: 2014, giới tính: Nam. Anh H không đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng sau khi ly hôn, anh H yêu cầu được dành quyền nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung: anh H thống nhất với chị T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: Bản tự khai ngày 16/9/2019 của nguyên đơn; Đơn xin xác nhận nơi cư trú của bị đơn Đào Thanh H có xác nhận của Công an xã Bình Hòa Tây, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An ngày 16/9/2019; Trích lục kết hôn số 89/TLKH-BS ngày 19/9/2019 do UBND xã T, huyện H, tỉnh A cấp; Giấy khai sinh số 137; quyền số: 01/2014 ngày 20/11/2014 tên Đào Thanh K, sinh năm: 2014, giới tính: Nam do Ủy ban nhân phường C, quận N, Thành phố M cấp; Giấy chứng minh nhân dân tên Phan Thị Thu T (bản photo đã đối chiếu bản chính) và bản sao y sổ hộ khẩu nơi chị T cư trú (tên chủ hộ: Phan Thị L)

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Đào Thanh H không có yêu cầu phản tố, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác.

Các đương đương sự thống nhất đồng ý cho Tòa án đăng công khai bản án lên cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phan Thị Thu T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đào Thanh H, chị T yêu cầu được quyền nuôi con chung sau khi ly hôn, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Trong vụ án này, bị đơn là anh Đào Thanh H có nơi cư trú tại huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Thu T và anh Đào Thanh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã T, huyện H, tỉnh Long An (*Trích lục kết hôn số 89/TLKH-BS ngày 19/9/2019 do UBND xã xã T, huyện H, tỉnh Long An cấp*). Do đó, hôn nhân của chị T với anh H là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn trong sinh hoạt gia đình nên chị T với anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể nào tự giải quyết được, mặc dù gia đình anh chị cũng đã nhiều lần hòa giải. Chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị với anh H thực tế không còn và vợ chồng chị T, anh H đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Chị T yêu cầu được ly hôn với anh H vì chị xác định chị không muốn và không thể đoàn tụ với anh H để tiếp tục sống chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày của chị Phan Thị Thu T tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng của chị T với anh H đã phát sinh một thời gian dài. Đồng thời, chị T xác định hiện nay không còn tình cảm vợ chồng với anh H, không muốn sống chung với anh H cho thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Căn cứ Điều 56 luật Hôn nhân gia đình quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục*

đích của hôn nhân không đạt được” do đó chị T yêu cầu ly hôn với anh H là hoàn toàn chính đáng và đúng với quy định của pháp luật. Đồng thời, tại phiên tòa anh H đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị Thu T và anh Đào Thanh H.

[3] Về con chung: Trong thời gian sống chung chị Phan Thị Thu T và anh Đào Thanh H có một người con chung tên 01 người con chung tên Đào Thanh Khôi, sinh năm: 2014, giới tính: Nam (*Theo giấy khai sinh số 137; quyển số: 01/2014 ngày 20/11/2014 do Ủy ban nhân phường C, quận N, Thành phố M cấp*). Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu H cấp dưỡng nuôi con, anh H không đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng và cũng có yêu cầu dành quyền nuôi con sau khi ly hôn.

Xét thấy, chị Phan Thị Thu T có thu nhập ổn định là người đang trực tiếp nuôi dưỡng Đào Thanh Khôi từ lúc sống ly thân với anh H cho đến nay. Hiện nay cháu Khôi đang học tập ổn định tại thành phố Hồ Chí Minh nơi chị T cư trú. Căn cứ vào Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 việc giao cháu Khôi cho chị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với tâm sinh lý và đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về tinh thần, kiến thức cho cháu Khôi. Do đó Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Đào Thanh K cho chị Phan Thị Thu T tiếp tục nuôi dưỡng sau khi chị T với anh H ly hôn là phù hợp.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phan Thị Thu T về việc không yêu cầu anh Đào Thanh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Người trực tiếp nuôi con và không trực tiếp nuôi con thực hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Anh Đào Thanh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản H thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Thị Thu T và anh Đào Thanh H đều khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau khi ly hôn các bên mới phát sinh tranh chấp thì được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí tòa án. Buộc chị Phan Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị Thu T và anh Đào Thanh H.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phan Thị Thu T về việc không yêu cầu anh Đào Thanh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Đào Thanh K, sinh năm: 2014, giới tính: Nam (*Theo giấy khai sinh số 137; quyển số: 01/2014 ngày 20/11/2014 do Ủy ban nhân phường C, quận N, Thành phố M cấp*) cho chị Phan Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn với anh Đào Thanh H, anh H không cấp dưỡng nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con và không trực tiếp nuôi con thực hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Anh Đào Thanh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản anh H thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp sau khi ly hôn các bên mới phát sinh tranh chấp thì được giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Buộc chị Phan Thị Thu T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn với số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) vào Ngân

sách nhà nước, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002975 ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Về thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- UBND xã T, huyện H, tỉnh Long An *(khi bản án có hiệu lực pháp luật)*;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Khởi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Loan

Trần Khánh Hội

Nguyễn Văn Khởi

